

**BỘ THƯƠNG MẠI**  
**ĐỀ TÀI KHOA HỌC MÃ SỐ: 97-78-060**

**TÓM TẮT ĐỀ TÀI**

**QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI**  
**VIỆT NAM – HOA KỲ**

**Cơ quan chủ trì thực hiện: Viện Nghiên cứu Thương mại**  
**Chủ nhiệm đề tài: PTS. Phạm Thế Hưng**

Từ đầu những năm 90, các nước XHCN (XHCN) ở Đông Âu và Liên xô cũ đã thực hiện chính sách hội nhập với thế giới. Họ đã sớm ký Hiệp định thương mại với Hoa Kỳ và EU, được hưởng chế độ tối huệ quốc của hầu hết các nước phát triển, tạo được điều kiện ổn định cho phát triển thương mại của họ với các khu vực thị trường lớn của thế giới. Hiện nay, đã có trên 130 nước là thành viên tổ chức thương mại thế giới (WTO) và trên 30 nước đang xin gia nhập tổ chức này. Năm 1980, Trung quốc đã ký Hiệp định thương mại và được hưởng qui chế tối huệ quốc của Mỹ.

Việc thiết lập mối quan hệ ổn định về kinh tế thương mại giữa Việt nam và Hoa kỳ là việc làm cấp bách, trước hết là nhằm giải toả được các trở ngại trong quan hệ song phương như xoá bỏ điều luật Jacson Vanik và ký kết hiệp định thương mại, trong đó có việc hai nước dành cho nhau quy chế tối huệ quốc. Đây là vấn đề cốt yếu nhất trong quan hệ giữa hai nước và cũng là những mong đợi chính đáng của các nhà doanh nghiệp.

## **I. Việt Nam trong chiến lược toàn cầu và khu vực của Hoa Kỳ**

### **1. Vị trí của nền kinh tế Hoa Kỳ và chiến lược toàn cầu**

*\* Hoa Kỳ - cường quốc kinh tế lớn nhất thế giới*

Trong phần này phản ánh những kết quả nghiên cứu về các vấn đề sau đây:

- Vị trí của Hoa Kỳ trong chiến lược toàn cầu và khu vực Châu Á. Hoa kỳ- một nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới (sau Chiến tranh thế giới lần thứ II Hoa kỳ chiếm 50% GDP thế giới và 1/3 buôn bán quốc tế, nắm trong tay nguồn tài chính lớn) có vai trò chi phối trong nhiều sự kiện sinh hoạt thế giới và chiếm ưu thế tuyệt đối về sức mạnh quân sự, kinh tế, ít đối thủ nào có thể sánh kịp. Tuy nhiên vai trò sen đầm quốc tế của Hoa Kỳ đã bị giảm sút nhiều so với thời kỳ khi Liên xô trước đây còn tồn tại. Ngày nay, các nước khác như Đức, Nhật, Trung quốc đang vươn lên thay thế dần vai trò siêu

cường của Mỹ. Điều này đang làm cho các nhà chiến lược của Hoa Kỳ lo lắng và họ đang đưa ra các dự đoán khác nhau về tương lai của thế giới. Đặc biệt là Mỹ cho rằng Trung quốc là nước có nhiều khả năng nhất có thể thay thế Hoa Kỳ vào nửa đầu thế kỷ tới. Vì thế ở Mỹ có những ý kiến trái ngược nhau về chiến lược Châu Á, một mặt Mỹ quan tâm đến sự phát triển của khu vực này như là yếu tố ổn định cho nền hoà bình và thịnh vượng chung, nhưng mặt khác lại muốn sử dụng học thuyết ngăn chặn không muốn cho các nước có tiềm năng cạnh tranh với vai trò bá chủ của mình.

- Về kinh tế và thương mại, Mỹ đã và đang có chính sách bành trướng sang khu vực Châu Á - Thái bình dương khi mà EU đã lớn mạnh cạnh tranh được với Mỹ. Tuy nhiên, Hoa Kỳ vẫn còn giữ vai trò lớn ở Châu Âu, nơi mà Mỹ đã đầu tư lớn từ trước đến nay và Nga vẫn còn có khả năng khôi phục trở lại vị trí trước đây của mình thì Mỹ không hề lơ là về mặt an ninh khu vực cũng như là khu vực thị trường truyền thống của mình.

- Tuy bị EU và Nhật Bản vươn lên cạnh tranh mạnh mẽ với Mỹ (điều này thể hiện vào những năm 80 có lúc Đức đã đứng đầu thế giới về xuất khẩu) nhưng sang thập kỷ 90 Mỹ đã thành công trong việc mở cửa thị trường đẩy nhanh xuất khẩu của mình lên vị trí hàng đầu thế giới. Với một nền ngoại thương lớn nhất thế giới, chiếm 12,5% kim ngạch xuất khẩu và 15% kim ngạch nhập khẩu thế giới, Mỹ có tiếng nói trọng lượng trong các cuộc đàm phán thương mại thế giới như WTO, các tổ chức tài chính quốc tế, áp đặt những chính sách của họ cho các nước khác, áp dụng những chính sách thương mại của mình ở ngoài cả phạm vi của nước Mỹ.

- Hoa Kỳ là nước có nền kinh tế phát triển nhất, các nhà sản xuất Hoa Kỳ có khả năng cạnh tranh hơn bất kỳ đối thủ nào khác nên họ đã tuyên truyền cho chính sách tự do hoá thương mại và đầu tư, cũng vì thế Hoa Kỳ đã trở thành một thị trường lớn có sức hấp dẫn các nước và các nhà đầu tư nước ngoài hơn bất kỳ nơi nào khác trên thế giới.

- Hoa Kỳ là nước có tiềm năng phát triển cao vì họ đã từ lâu thấy được vai trò của khoa học và là nước đầu tư lớn nhất cho khoa học. Vì thế họ đang chiếm ưu thế nổi trội về khoa học, công nghệ cao và có đội ngũ các nhà khoa học hùng hậu, mạnh cả về khoa học cơ bản cũng như khoa học ứng dụng.

Nhờ vậy mà nền nông nghiệp cũng như công nghiệp của Hoa Kỳ đang dẫn đầu thế giới trên rất nhiều lĩnh vực.

- Ngay từ sau Thế chiến thứ II, Hoa Kỳ đã thiết kế cho mình hệ thống tài chính tiền tệ mang tính quốc tế nhằm phục vụ cho lợi ích bành trướng kinh tế, quân sự và chính trị của mình như hệ thống IMF, WB. Về thương mại là nước chủ xướng ra hệ thống thương mại toàn cầu nhờ vào tổ chức GATT trước đây và WTO ngày nay.

*\* Vị trí Châu Á và chính sách Hoa Kỳ:*

- Châu Á đang nổi lên là một khu vực kinh tế phát triển cao và năng động nhất thế giới, theo dự đoán của một số nhà kinh tế thì triển vọng có thể trở thành trung tâm kinh tế thế giới vào khoảng giữa thế kỷ tới. Trên thực tế, từ nhiều năm nay buôn bán của Châu Á với Mỹ và EU đã lớn hơn là buôn bán của EU với Mỹ. Trước đây chỉ có mình Nhật bản nay đã có thêm các nền kinh tế “con rồng” và Trung quốc đang vươn lên nhanh chóng và họ đang dần dần trở thành những nước có vị trí hàng đầu trong thương mại quốc tế. APEC đang là một xu hướng chiến lược quan trọng trong thập kỷ tới.

- Với kinh nghiệm của Nhật Bản, học thuyết đàn sếu bay đã và đang thực hiện có hiệu quả. Nhiều nước đã thành công nhờ vào mở rộng thị trường sang Mỹ và EU. Nhưng hiện nay nhiều nước đã thấy được vai trò của khu vực thông qua kinh nghiệm của EU, NAFTA, ASEAN. Liên kết khu vực là để đẩy mạnh buôn bán, đầu tư trong khu vực. Tỷ trọng buôn bán nội bộ khu vực đang tăng lên nhanh chóng. Mỹ và EU đang cạnh tranh nhau mạnh mẽ ở khu vực Châu Á. Điều này thể hiện trong các hoạt động ở APEC và diễn đàn Á - Âu. Tỷ trọng mậu dịch buôn bán các nước trong khu vực đã tăng nhanh, làm cho các nước khu vực rút ngắn được thời gian công nghiệp hoá do tiếp thu được những thành quả của các nước đi trước. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương chiếm 1/2 GNP và 40% ngoại thương thế giới và còn là một thị trường lớn đối với hàng hoá của Mỹ (năm 1992 xuất khẩu của Hoa Kỳ sang khu vực này là 120 tỷ USD).

- Thị trường Châu Á có ý nghĩa to lớn đối với Hoa kỳ hiện tại cũng như tương lai tỷ trọng buôn bán của các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương chiếm 40% tổng ngoại thương của Mỹ và tạo ra 2,5 triệu công ăn

việc làm cho người Mỹ. Quan hệ buôn bán giữa Mỹ và Trung quốc tăng lên theo cấp số nhân, ( từ 1985 đến 1993 nhập khẩu từ Trung Quốc vào Mỹ tăng 560%), còn buôn bán giữa Nhật bản và Mỹ vẫn lớn nhất thế giới, còn các nước thuộc khối ASEAN là thị trường lớn thứ tư của Mỹ.

- Với sự phát triển nhanh về kinh tế - khoa học và kỹ thuật, một mặt khu vực Châu Á đã gắn và tạo thêm được quyền lợi của Mỹ, nhưng mặt khác cũng tạo ra nhiều nỗi lo và thách thức đối với Hoa Kỳ, nhất là đối với vai trò siêu cường vì sức cạnh tranh của hàng hoá của khu vực có một số lợi thế hơn Hoa Kỳ như lao động rẻ v.v...

+ Do rút được kinh nghiệm trong công nghiệp hoá từ các nước đi trước nên các nước phát triển Châu Á đã rút ngắn được thời gian công nghiệp hoá. Cho nên làn sóng phát triển kinh tế Châu Á đã diễn ra liên tục và ồ ạt với sự cất cánh của Nhật Bản vào thập kỷ 60, các nước NIEs trong thập kỷ 70 và các nước ASEAN và Trung Quốc trong thập kỷ 80 và 90. Những nhân tố quan trọng tạo ra sự phát triển năng động này là thành công của chiến lược phát triển công nghiệp theo định hướng xuất khẩu.

+ Các nước Đông Nam Á, bằng thực lực kinh tế của mình đang tích cực tạo sự độc lập và ngày càng bình đẳng hơn với Hoa Kỳ. Nhờ vào sự phát triển nhanh trong thời gian dài ổn định, khu vực Đông Nam Á đã nổi lên là một khu vực quan trọng đối với Mỹ và Liên minh Châu Âu.

+ Theo dự đoán, buôn bán trong nội bộ khu vực Châu Á và giữa Châu Á với các khu vực khác trên thế giới sẽ tăng nhanh. Đặc biệt Nhật Bản và Trung Quốc đang ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong mậu dịch thế giới. Dự kiến năm 2015 hai nước này sẽ chiếm 28% mậu dịch thế giới so với 13% năm 1993. Hàng năm Nhật Bản xuất siêu sang Hoa Kỳ khoảng 50 tỷ USD, Trung Quốc xuất siêu vào Mỹ khoảng 40 tỷ USD. Điều này đã làm cho Hoa Kỳ lo ngại và có những chính sách cứng rắn trong quan hệ buôn bán với các nước này. Điều đó được thể hiện trong các cuộc đàm phán song phương cũng như đa phương và Hoa Kỳ luôn thúc ép các nước mở cửa thị trường cho hàng hoá Hoa Kỳ.

+ NIEs và nhiều nước ASEAN đẩy mạnh buôn bán với Hoa Kỳ đã đạt được sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng nhờ vào thị trường rộng lớn của Hoa Kỳ.

+ Sự phát triển kinh tế năng động cùng với việc gia nhập ASEAN và việc nộp đơn xin gia nhập WTO, Việt Nam đã được Hoa Kỳ đưa vào danh sách các nước thị trường lớn đang nổi lên ở Châu Á và đang tìm cách cải thiện quan hệ với Việt Nam.

## **2. Phương hướng chiến lược của Việt Nam**

### ***\* Hội nhập vào nền kinh tế thế giới***

Qua mười năm đổi mới, Việt nam đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế và đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao trong những năm 90. Trên đà phát triển đó, Việt Nam từng bước tham gia vào các tổ chức kinh tế thế giới với hội nhập ASEAN, đã tham gia APEC và đã nộp đơn xin gia nhập WTO. Việc gia nhập các tổ chức này đòi hỏi Việt Nam chấp nhận đi theo xu thế của thời đại tự do hoá thương mại, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, mở cửa nền kinh tế với việc chấp nhận các chuẩn mực quốc tế mà chủ yếu là của WTO. Đây vừa là cơ hội để Việt Nam có được những điều kiện ổn định cho việc phát triển buôn bán của mình và cũng là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp vươn lên trình độ có thể cạnh tranh được trên thị trường thế giới.

Vì hệ thống pháp luật của ta về cơ bản còn nhiều khác biệt với các chuẩn mực quốc tế, cho nên khi hội nhập đòi hỏi phải điều chỉnh và sửa đổi rất nhiều các văn bản pháp luật hiện hành để cho các chính sách và quy chế của ta phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Các nguyên tắc cơ bản như không phân biệt đối xử, các quy định về thuế, các biện pháp phi thuế, tính công khai rõ ràng của pháp luật phải được tôn trọng và thực hiện đầy đủ trên mọi lĩnh vực một cách đồng bộ và nhất quán trên phạm vi toàn lãnh thổ.

### ***\*Quan hệ đối với Hoa Kỳ***

Việt nam coi Hoa Kỳ như một thị trường rộng lớn cho chiến lược đẩy mạnh xuất khẩu của mình trong tương lai. Để đạt được mục tiêu cơ bản này điều kiện tối thiểu phải có là việc dành cho nhau quy chế tối huệ quốc. Theo

pháp luật của Hoa Kỳ việc dành cho Việt nam MFN có thể thông qua hiệp định song phương và đa phương (WTO). Con đường gia nhập WTO của Việt nam không thể kết thúc nhanh chóng (như Trung Quốc đã đàm phán trên 10 năm nay vẫn chưa kết thúc). Còn đàm phán hiệp định song phương có thể rút ngắn thời gian đàm phán hơn là đa phương nhưng lại phải chịu sức ép lớn từ phía Hoa Kỳ. Việc lựa chọn con đường thích hợp là việc làm có tính quyết định đối với sự hình thành các điều kiện cơ bản thực hiện các mục tiêu chiến lược nói trên.

## **II. Chính sách kinh tế thương mại của Việt Nam và Hoa Kỳ**

Để thấy được sự khác biệt về hệ thống chính sách của hai nước, trong phần này chúng tôi tập trung phân tích các chính sách hiện hành của cả Việt nam và Hoa Kỳ.

### **1. Một số chính sách kinh tế thương mại quan trọng của Việt Nam**

Với chiến lược phát triển hướng về xuất khẩu, Việt nam đã đề ra một kế hoạch tăng trưởng xuất khẩu trong giai đoạn từ 1996 - 2000 đạt 28%/năm. Để đạt mục tiêu này Việt nam dự kiến chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu đẩy mạnh xuất khẩu hàng chế biến giảm tới mức tối đa xuất khẩu hàng nguyên liệu. Ta phấn đấu năm 2000 hàng nguyên liệu thô chỉ còn 30% kim ngạch xuất khẩu; 70% còn lại phải là hàng chế biến.

Sau nhiều năm đổi mới, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách thương mại theo hướng mở cửa và đa dạng hoá thị trường, thúc đẩy tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, sự vận dụng các chính sách này còn có những khác biệt cơ bản với các nước khác cần được đánh giá theo các chuẩn mực quốc tế và trên phương diện lợi ích quốc gia. Trong phần này chúng tôi đã phân tích các chính sách về thuế, phi thuế và các chính sách hướng mạnh vào xuất khẩu.

Việt Nam có thể được hưởng quy chế tối huệ quốc của Mỹ bằng hai cách là đàm phán song phương để ký hiệp định thương mại với Hoa kỳ hoặc thông qua việc gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO). Dù đàm phán song phương hay đa phương, Hoa kỳ cũng đòi hỏi Việt nam áp dụng quy chế của GATT/WTO với các nguyên tắc cơ bản là:

- Không phân biệt đối xử giữa các nước bạn hàng.
- Đối xử như nhau giữa hàng nhập khẩu và hàng sản xuất trong nước.
- Thực hiện các chính sách cởi mở và tự do. Bảo hộ bằng thuế quan ở mức thấp và chỉ áp dụng hạn chế số lượng trong một số trường hợp đặc biệt.
- Cam kết thực hiện lịch trình cắt giảm thuế quan và các hàng rào phi thuế quan.
- Chính sách và luật pháp phải rõ ràng, công khai.

Bên cạnh những mặt lợi có thể mang lại, việc chấp nhận các nguyên tắc này là thách thức lớn đối với Việt nam vì nếu thực hiện chúng ta phải điều chỉnh luật pháp của mình cho phù hợp với WTO và phải điều hành nền kinh tế theo nguyên tắc đó. Vấn đề này hết sức phức tạp và đòi hỏi phải có thời gian để điều chỉnh, thực hiện.

## **2. Chính sách thương mại Hoa Kỳ**

Do tính chất phức tạp của vấn đề nên trong phần này chúng tôi chỉ đề cập khái quát đến một số loại hình các công cụ và chính sách thương mại của Mỹ như: các chính sách về thuế nhập khẩu, các biện pháp phi thuế quan mà Mỹ đang áp dụng để thấy được sự phức tạp của hệ thống các chính sách của Mỹ đang áp dụng.

Ngoài ra trong phần này còn đề cập đến các vấn đề liên quan tới Chiến lược xuất khẩu và cơ chế khuyến khích phát triển thương mại và bảo đảm đầu tư của Hoa Kỳ: như Eximbank và OPIC .

Với chiến lược phát triển quan hệ kinh tế - thương mại song biên, Chính phủ hai nước đã cùng hướng tới trong mối quan hệ đáp ứng nhu cầu xuất và nhập khẩu các mặt hàng mang tính chất bổ sung lẫn nhau. Hoa Kỳ đang hướng tới Việt nam như một thị trường đông dân đầy tiềm năng trong việc tiêu thụ các mặt hàng công nghiệp, đặc biệt là hàng công nghiệp điện tử - tin học - viễn thông và đầu tư vào một số ngành sản xuất, một số hàng nông sản, thủy sản. Còn Việt nam hướng tới Hoa kỳ như một thị trường có nền công nghệ kỹ thuật hiện đại và nguồn vốn dồi dào vào bậc nhất thế giới.



### **3. Những tương đồng và khác biệt trong chính sách kinh tế thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ**

- Giữa một nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường như Việt Nam với một nền kinh tế thị trường phát triển vào loại bậc nhất thế giới như Hoa Kỳ; Giữa hệ thống chính sách thương mại của một nước đã có quá trình hơn 40 năm tham gia các tổ chức kinh tế thế giới với một nước mới tham gia vào các tổ chức kinh tế thế giới, điều đó dễ hiểu về sự khác biệt giữa hệ thống chính sách của Việt Nam và Hoa Kỳ:

+ Đó là sự khác biệt về chính sách phát triển giữa một nền kinh tế thị trường phát triển nhất thế giới với một nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, có xuất phát điểm thấp và đang trong thời kỳ đầu của tiến trình công nghiệp hoá.

+ Sự khác biệt giữa các chính sách của một nền kinh tế giữ vai trò chủ đạo và dẫn dắt xu thế tự do hoá về thương mại và đầu tư quốc tế với một nền kinh tế đang bắt đầu tiếp cận với xu thế này.

+ Sự khác biệt về các quan điểm chính trị trong nhìn nhận quá khứ, mặc dù đã được giải toả về cơ bản nhưng vẫn còn ảnh hưởng đáng kể đến tiến trình bình thường hoá kinh tế giữa hai nước.

- Mặc dù còn có nhiều sự khác biệt và bất đồng nhưng trong hệ thống chính sách thương mại Việt Nam và Hoa kỳ cũng có những điểm tương đồng:

+ Hoa Kỳ và Việt Nam có chung mục tiêu với nền tảng cơ bản là lấy thúc đẩy kinh tế - thương mại làm chính, tạo dựng cơ hội tham gia thị trường của nhau trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi.

+ Điều cùng là những nền kinh tế thị trường ở những trình độ khác nhau, do vậy Việt Nam và Hoa Kỳ có thể bổ sung cho nhau mà không làm phương hại đến các lợi ích của nhau.

Nhìn chung chính sách thương mại của Việt Nam và Hoa Kỳ còn nhiều khác biệt, nên Mỹ đã đưa ra các chuẩn mực quốc tế để hai bên xây dựng quan hệ song phương lâu dài và cũng là phù hợp với định hướng hội nhập của Việt nam sau này khi gia nhập WTO.

### **III. Quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam- Hoa Kỳ và triển vọng**

#### **1. Quá trình phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ**

*\* Quan hệ mậu dịch song phương:*

Thời kỳ trước năm 1975, Hoa Kỳ có quan hệ kinh tế thương mại với chính quyền Sài Gòn cũ, kim ngạch buôn bán không lớn, chủ yếu hàng nhập khẩu bằng viện trợ của Hoa Kỳ để phục vụ cho chiến tranh xâm lược. Về xuất khẩu sang Hoa Kỳ có một số mặt hàng như : cao su, gỗ, hải sản, đồ gốm... với số lượng rất ít. Đến thời kỳ 1986 - 1989, mặc dù bị cấm vận chặt chẽ nhưng hàng hoá nhập khẩu từ Hoa Kỳ vẫn đạt trị giá gần 5 triệu USD, năm 1987 đạt 23 triệu USD, 1988 đạt 15 triệu USD và 1989 đạt 11 triệu USD. Từ năm 1991, Hoa Kỳ đã thực hiện dỡ bỏ một loạt các hạn chế trong buôn bán với Việt Nam, cho phép thông thương bưu chính viễn thông và xuất sang Việt Nam những mặt hàng phục vụ nhu cầu cơ bản và bỏ hạn chế đối với các Tổ chức phi chính phủ Hoa Kỳ viện trợ cho Việt Nam. Từ năm 1993, chính quyền Bill Clinton đã quyết định không ngăn cản việc các nước giúp Việt Nam trả nợ cho IMF và các Tổ chức tài chính quốc tế nối lại viện trợ cho Việt Nam. Quyết định này có ý nghĩa lớn đối với doanh nghiệp Hoa Kỳ trong việc tham gia và thực hiện các dự án phát triển ở Việt Nam do các Tổ chức tài chính quốc tế tài trợ. Song song với những nỗ lực cải thiện quan hệ của hai Chính phủ hoạt động ngoại thương cụ thể giữa hai nước trong những năm đầu thập kỷ 90 đã có những bước đột phá ban đầu .

Từ tháng 3/1994, sau khi Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton tuyên bố bãi bỏ lệnh cấm vận chống Việt Nam, quan hệ Việt\_ Mỹ đã được sang trang. Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước tăng nhanh, hoạt động đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam cũng được cải thiện và tăng mạnh.

Năm 1994, Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ đạt 50,45 triệu USD trong đó hàng nông nghiệp là 38,3 triệu; năm 1995 kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ đạt 198,966 triệu USD, trong đó nông nghiệp 151,549 triệu USD. Điều đó cho thấy trước đây hàng xuất khẩu chủ yếu là nông nghiệp chiếm tới 76%, hàng công nghiệp nhẹ của Việt Nam mới chỉ bắt đầu xâm nhập vào thị trường Mỹ. Đến năm 1996, chỉ trong 9 tháng đầu năm kim ngạch xuất khẩu

sang Hoa Kỳ đạt 232,595 triệu USD, trong đó hàng nông nghiệp chỉ chiếm 46%, còn lại chủ yếu là hàng công nghiệp nhẹ.

Kim ngạch nhập khẩu từ Hoa Kỳ vào Việt Nam cũng tăng mạnh cả về số lượng và chủng loại. Năm 1994, kim ngạch nhập khẩu đạt 172,2 triệu USD, đến năm 1996 chỉ trong 9 tháng đầu năm đã đạt 530,597 triệu USD. Trong mấy năm liền Việt nam nhập siêu của Hoa Kỳ.

Mặc dù đến muộn hơn so với các công ty nước ngoài khác nhưng có ưu thế về nguồn vốn và chiến lược marketing độc đáo, các sản phẩm của Hoa Kỳ đã nhanh chóng giành được sự quan tâm của người Việt nam và tăng mạnh thị phần trên thị trường này.

Trước năm 1993, hàng Việt nam chưa vào được thị trường Mỹ theo con đường chính ngạch mà chỉ số ít vào gián tiếp thông qua nước thứ 3. Mãi cuối năm 1993, sau khi Mỹ huỷ bỏ lệnh cấm vận hàng Việt nam mới từ từ thâm nhập được vào thị trường rộng lớn này. Kim ngạch mậu dịch Việt nam - Hoa Kỳ năm 1994 đã tăng mạnh lên gần 224 triệu USD so với 62 triệu USD năm 1993. Năm 1995 lên đến 500 triệu USD, năm 1996 đạt trên 1 tỷ USD.

Nếu năm 1993 Hoa Kỳ chỉ cho phép xuất khẩu vào Việt nam 4 nhóm hàng, thì trong năm 1994 đã lên tới 35 nhóm hàng. Các mặt hàng xuất khẩu vào Việt nam chủ yếu là máy móc, thiết bị, phân bón, máy móc xây dựng, ô tô, thiết bị viễn thông...

Trong mấy năm qua, trong buôn bán với Mỹ, Việt nam luôn nhập siêu: Năm 1994 là 121,7 triệu USD, năm 1995: 53 triệu USD, riêng 9 tháng đầu năm 1996 là 289 triệu USD.

Hoa Kỳ xuất khẩu được tương đối nhanh chóng vào thị trường Việt nam một phần là nhờ chính sách thương mại mở cửa, bình đẳng, không phân biệt đối xử của Việt nam. Biểu thuế nhập khẩu của Việt nam chỉ có một loại thuế duy nhất đánh vào hàng hoá mà không phân biệt xuất xứ, vì vậy hàng hoá của Hoa kỳ được cạnh tranh bình đẳng, ngang bằng với hàng hoá của các bạn hàng truyền thống của Việt nam. Tuy nhiên, đối với các công ty Hoa kỳ, để cạnh tranh có hiệu quả với các công ty nước ngoài khác khi bán hàng sang Việt nam, họ vẫn cần được ngân hàng xuất nhập khẩu của Mỹ bảo trợ.

Những khó khăn lớn để hàng hoá Việt nam thâm nhập vào thị trường Hoa kỳ là hai nước chưa có hiệp định thương mại song phương và Việt nam chưa được hưởng quy chế tối huệ quốc (MFN) của Mỹ. Trên thị trường Mỹ hàng hoá Việt nam kém sức cạnh tranh vì trong biểu thuế nhập khẩu của Hoa kỳ đã phân biệt rõ thuế suất tối huệ quốc và thuế suất đánh vào hàng hoá của các nước không được hưởng tối huệ quốc. Vì vậy đối với Việt nam chỉ có thể cạnh tranh công bằng và hiệu quả với hàng hoá nước khác khi được hưởng quy chế tối huệ quốc.

*\* Đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam:*

Thu hút đầu tư vào Mỹ và đầu tư của Mỹ ra nước ngoài là một bộ phận quan trọng của chính sách kinh tế, chiến lược toàn cầu của Hoa kỳ nhằm duy trì các nước trong mối quan hệ hợp tác và phụ thuộc làm cho cơ cấu ngành kinh tế của các nước phù hợp với những biến đổi cơ bản kinh tế Mỹ, phục vụ lợi ích của Mỹ.

Khi đầu tư ra nước ngoài, Mỹ muốn chủ động nắm và kiểm soát nguồn nguyên liệu, năng lượng, chi phối các ngành chế tạo quan trọng, các hoạt động tài chính, ngân hàng, khống chế thị trường, chuyển giao công nghệ, thu hút hàng hoá vào Mỹ. Chính sách đầu tư của Mỹ vào các nước là vươn tới cấp độ vi mô, chuyển vốn đầu tư trực tiếp vào xí nghiệp mà không lập dự án thông qua một cơ quan trung gian cấp nhà nước. Mỹ rất chú ý đến việc cấp vốn cho xí nghiệp do Mỹ đỡ đầu nhằm duy trì chúng trong hệ thống các công ty xuyên quốc gia và trong vòng kiểm chế của Mỹ. Bên cạnh những mục đích kiếm lời, đầu tư của Mỹ ra nước ngoài còn nhằm biến những nơi có đầu tư của Mỹ thành tụ điểm của những lợi ích kinh tế, thống trị của Mỹ.

Chủ yếu Hoa Kỳ đầu tư vào các nước đang phát triển ở châu Á (8 nước và lãnh thổ thuộc NIEs và ASEAN đã chiếm tới 93-94%). Mỹ đầu tư vào các nước ASEAN chiếm tới 82-83% tổng đầu tư của Mỹ vào các nước đang phát triển ở Châu Á. Nước ta là một nước đang phát triển và nằm ở khu vực Đông Nam Á và mới gia nhập ASEAN, cho nên có nhiều khả năng nước ta cũng sẽ nhận được sự đầu tư lớn của Hoa Kỳ.

Trước khi bỏ lệnh cấm vận thì hoạt động đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ vào Việt Nam không đáng kể, các công ty của Hoa Kỳ chỉ vào thăm dò thị trường mà chưa tiến hành đầu tư vào Việt Nam. Mặc dù đến muộn hơn các nước khác nhưng tháng 4 năm 1996 Hoa Kỳ đã đứng thứ 6 trong danh sách các nước đầu tư vào Việt Nam, với tổng vốn đầu tư 1.171.736.000 USD và 55 dự án.

## **2. Triển vọng và các giải pháp phát triển quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ**

*\* Đánh giá triển vọng:*

Quan hệ kinh tế thương mại Việt nam - Hoa Kỳ sẽ phát triển mạnh nếu từng nước biết phát huy những lợi thế so sánh của riêng mình; Những lợi thế do vị trí địa lý - kinh tế - chính trị cùng vị trí kinh tế của từng nước trong bối cảnh kinh tế toàn cầu. Việt nam đang cần ở Mỹ - một thị trường tiềm năng về vốn, công nghệ, tri thức kinh doanh và quản lý. Mỹ đang tìm thấy nhiều lợi ích to lớn ở Việt nam về thị trường tiêu dùng, thị trường dịch vụ, thị trường dịch chuyển cơ cấu kinh tế và trên hết là thị trường mà Mỹ có thể mở rộng ảnh hưởng của mình ở khu vực Đông Nam Á, Châu Á - Thái Bình Dương.

Các chuyên gia kinh tế thế giới đặt nhiều hy vọng và đánh giá cao sự phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt nam - Hoa Kỳ, nhất là sau khi Việt nam tiến hành thành công chính sách đổi mới, cải cách thương mại và tạo môi trường đầu tư vào Việt nam dựa trên các quy chế của WTO và vì Việt nam hiện là thành viên ASEAN, APEC và đang chuẩn bị điều kiện gia nhập WTO và triển vọng ký kết Hiệp định thương mại song phương Việt - Mỹ, qua đó Việt nam được hưởng quy chế tối huệ quốc. Việc bình thường hoá quan hệ ngoại giao tạo tiền đề tốt cho quan hệ về kinh tế, và ngược lại phát triển quan hệ kinh tế tốt thì quan hệ ngoại giao cũng sẽ nâng lên được tầm cao hơn.

*\* Các giải pháp để tiếp tục phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ :*

Mặc dù quan hệ thương mại Việt nam - Hoa kỳ phát triển nhanh chóng và nhiều hứa hẹn, nhưng đến nay quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước vẫn còn nhiều hạn chế. Để tiến tới bình thường hoá quan hệ kinh tế thương

mại, hai nước còn phải làm rất nhiều việc để giải quyết những vướng mắc, các quy định về luật lệ, hiểu biết lẫn nhau, những điều cần chấp nhận và thông cảm lẫn nhau, khép lại quá khứ, chuyển sang giai đoạn mới để mau chóng tìm ra các biện pháp thúc đẩy phát triển hơn nữa quá trình hợp tác kinh tế thương mại giữa hai nước. Để đạt được những mục tiêu trên, cả hai bên cần phải tập trung vào giải quyết sớm những vấn đề sau :

- Hoa Kỳ cần sớm hủy bỏ những điều luật bổ sung trong đạo luật Jackson - Vanick đối với Việt Nam, cho phép Exim Bank, TDA, OPIC hoạt động ở Việt Nam.

- Đàm phán ký kết Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư giữa Công ty đầu tư tư nhân hải ngoại (OPIC) và Việt Nam.

- Đàm phán và sớm đi đến ký kết Hiệp định Thương mại giữa hai nước và dành cho nhau Quy chế tối hệ quốc (MFN).

- Trong khi chưa ký được hiệp định thương mại giữa hai nước, Hoa Kỳ cần dành quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) cho Việt Nam.

Việc bình thường hoá quan hệ kinh tế thương mại với Việt Nam, Hoa Kỳ cũng có lợi ích cả về kinh tế, chính trị, an ninh khu vực và việc phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước là cơ hội để Hoa Kỳ khai thác thị trường mới vì lợi ích của quốc gia của mình .

## **KẾT LUẬN**

Đề tài đã đưa ra 12 điểm vừa mang tính kết luận, vừa mang ý nghĩa kiến nghị các cơ quan quản lý nhà nước xem xét, giải quyết:

1. Chính sách của Mỹ trong khu vực Châu Á-Thái bình dương còn nhiều vấn đề chưa được sáng tỏ cần tổ chức nghiên cứu một cách đầy đủ hơn. Trung quốc nổi lên như một tiềm ẩn về khả năng cạnh tranh vai trò siêu cường mà Hoa kỳ đang độc quyền nắm giữ ở khu vực từ sau chiến tranh thế giới thứ 2 đến nay.

2. Việt nam hội nhập với thế giới và khu vực là một quá trình tất yếu để tạo cơ hội cho Việt nam phát triển nhanh, rút ngắn khoảng cách với các nước

khác trong khu vực. Quá trình hội nhập sẽ thúc đẩy Việt nam chuyển đổi kinh tế mạnh hơn sang cơ chế thị trường với định hướng mạnh về xuất khẩu. Chiều hướng này sẽ mở ra một cơ hội mới cho sự phát triển năng động hơn nhiều so với các chính sách bảo hộ.

3. Chính sách ưu tiên của các Chính phủ ngày nay không còn là những vấn đề chính trị thuần túy nữa mà đã chuyển sang kinh tế thương mại. Các nguyên thủ quốc gia đang ngày càng tập trung các nỗ lực của mình vào việc làm thế nào cho hàng của nước mình tăng được thị phần ở các nước đối tác của mình. Sức mạnh kinh tế mới là yếu tố quyết định trong các bàn đàm phán quốc tế. Đây là một đặc điểm đáng chú ý và là thay đổi lớn sau khi chiến tranh lạnh kết thúc mà một số nước đã nhận thức được trước nhưng có không ít nước vẫn còn băn khoăn. Điều này ảnh hưởng không ít đến những quyết sách quan trọng của mỗi nước.

4. Bình thường hoá quan hệ với Hoa kỳ cùng đồng nghĩa với quyết tâm hội nhập của Việt nam sẽ mang lại lợi ích hoà bình trong khu vực và sự ổn định phát triển của đất nước và cũng là mong muốn chung của các nước trong và ngoài khu vực. Không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc chúng ta phải thực sự thay đổi theo hướng hội nhập và điều này phải được thể hiện trên thực tế, bằng các việc làm cụ thể chứ không phải chỉ có ý chí và lời nói. Chúng ta đang đứng trước những thử thách khó khăn và phải quyết định những vấn đề cấp bách là hoạch định một chiến lược phát triển phù hợp với xu thế chung đảm bảo được lợi ích của Việt nam trong khung cảnh toàn cầu hoá của nền kinh tế thế giới.

5. Hoa kỳ và Việt Nam có nhiều khác biệt trong chính sách thương mại. Hoa kỳ đã có hệ thống pháp luật theo cơ chế thị trường từ hàng trăm năm, còn Việt Nam đang trong thời kỳ chuyển đổi sang cơ chế thị trường, trình độ phát triển chênh nhau lớn. Đây là những khó khăn, thử thách đối với Việt Nam trong quá trình đàm phán hiện nay cũng như trong quá trình thực hiện những cam kết với Hoa Kỳ sau này. Luật pháp của Hoa Kỳ thì đã hoàn hảo trên giác độ tương ứng với các chuẩn mực quốc tế, còn luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường. Phía Việt Nam phải điều chỉnh rất nhiều pháp luật của mình để thực thi các chính sách hội nhập.

Khó khăn trước mắt của chúng ta là chúng ta mới chỉ khẳng định được ý chí hội nhập, đã nộp đơn xin gia nhập WTO nhưng chưa ai tính toán được là những chính sách cụ thể của chúng ta hiện tại sẽ phải thay đổi ra sao theo cơ chế đó. Chắc chắn rằng các nước nhìn vào Việt Nam không phải bằng những tài nghệ diễn văn trên các diễn đàn quốc tế mà họ sẽ nhìn vào từng việc làm cụ thể của chúng ta.

6. Bên cạnh sự khác biệt trên, hai nước có những điểm tương đồng trong quá trình mở cửa thị trường cho nhau và thúc đẩy quan hệ phát triển kinh tế thương mại lên một quy mô cao hơn nữa. Cả hai bên đều có lợi ích về nhiều mặt trong quá trình này. Việt Nam phát triển sẽ có lợi cho hoà bình và ổn định trong khu vực. Các công ty Hoa Kỳ đang có những kế hoạch làm ăn có nhiều triển vọng ở Việt Nam, một thị trường còn chưa mấy phát triển và một nơi có những lợi thế mà họ đang cần. Thực tiễn, hai bên có những lợi thế có thể bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển. Việt Nam nhìn vào Hoa Kỳ như một thị trường rộng lớn cho sự phát triển kinh tế của mình đồng thời cũng là một đối tác có tầm chiến lược cần thiết cho công cuộc hiện đại hoá và công nghiệp hoá của đất nước.

7. Việc hoạch định chiến lược của ta tuy về cơ bản đã phù hợp với tình hình mới nhưng vẫn còn nhiều đáng đáp của tư duy cũ chưa phù hợp cơ chế thị trường. Vai trò của Chính phủ và công ty còn chưa phân định rõ rệt. Chính phủ đôi khi còn can thiệp quá sâu vào công việc của doanh nghiệp, còn doanh nghiệp lại thụ động chờ đợi quyết định của Chính phủ mà quên đi điều cơ bản của kinh tế thị trường là làm cái gì và làm bao nhiêu là do thị trường chứ không phải Chính phủ quyết định. Vấn đề cấp bách hiện nay là phải sớm giải quyết mối quan hệ lãnh đạo của Nhà nước với doanh nghiệp. Điểm này, gây ấn tượng cho các nước là Việt Nam chưa thực sự chuyển đổi sang cơ chế thị trường, càng để lâu thì sự đổi mới càng khó khăn hơn và càng phải trả giá đắt hơn.

8. Thực tế các công ty Hoa Kỳ đã và đang tìm kiếm cơ hội kinh doanh ở Việt Nam. Đã có hàng trăm công ty lớn nhỏ của Hoa Kỳ đã có mặt tại Việt Nam ngay từ khi bỏ cấm vận. Lúc đầu họ rất phấn chấn với hy vọng làm ăn tốt ở Việt Nam, nhưng đến nay đang có chiều hướng bi quan và đang cầu cứu giúp đỡ có sự bảo lãnh từ phía Chính phủ Hoa Kỳ. Điều mà các công ty



mong mỗi là có được môi trường kinh doanh lành mạnh, công khai, rõ ràng, bình đẳng cho mọi loại hình doanh nghiệp được phát triển nhanh hơn và quy mô lớn hơn nữa, và các bên đều có lợi.

9. Để tạo điều kiện cho quan hệ kinh tế thương mại hai nước phát triển, Chính phủ hai nước đang tiến hành đàm phán hiệp định thương mại và đang tiến hành các bước khác để tiến đến giai đoạn mới trong quan hệ tạo cho các doanh nghiệp Việt nam có khả năng cạnh tranh bình đẳng mở rộng quy mô kinh doanh của họ trên thị trường Hoa Kỳ. Việc cụ thể là ký kết được hiệp định thương mại song phương, trong đó các bên cam kết dành cho nhau Quy chế Tối huệ quốc. Đây là công việc ưu tiên hàng đầu của các cơ quan nhà nước trong thời gian trước mắt.

10. Để tiến tới một thoả thuận như vậy, các bên phải giải quyết những vấn đề thực tế một cách toàn diện và đồng bộ để các doanh nghiệp hoạch định được các kế hoạch kinh doanh của mình. Điều này sẽ được thể hiện trong quá trình thương lượng và thực hiện hiệp định thương mại song phương. Quá trình này liên quan chặt chẽ với quá trình hội nhập của Việt Nam với cộng đồng quốc tế (ASEAN, WTO, APEC). Đây là một yêu cầu khó khăn cho phía Việt Nam, phía Hoa Kỳ thông hiểu vấn đề này nên cũng có phần cơ động trong việc hoạch định ra một lịch trình thực hiện dần cam kết của phía Việt Nam cho phù hợp với tình hình thực tế.

11. Nhiệm vụ quan trọng của Việt Nam hiện tại là phải đưa ra một chiến lược phát triển của đất nước gắn với quá trình hội nhập của mình và chiến lược đó phải đảm bảo duy trì được sự tăng trưởng kinh tế của đất nước. Do vậy, mọi chính sách đối nội cũng như đối ngoại của Việt Nam đều phải hướng tới mục tiêu phát triển này và phải được điều phối một cách hài hoà sao cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng giai đoạn phát triển và tình hình quốc tế. Công việc này đòi hỏi các cơ quan chính phủ phải hợp tác chặt chẽ với nhau và với các nước để có thể đưa ra được một chiến lược tốt nhất cho đất nước và cộng đồng quốc tế chấp nhận được. Chiến lược này không thể chỉ là những nguyên tắc chung chung mà là những vấn đề cụ thể của từng ngành và từng chính sách cụ thể.

12. Việc đàm phán với Hoa Kỳ cũng như với WTO không thể chỉ đàm phán trên nguyên tắc chung chung mà các bên sẽ quan tâm đến các vấn đề rất cụ thể và chi tiết, có thể các bên sẽ rà soát từng dòng thuế, sẽ thỏa thuận từng chính sách hiện hành của từng bên và chủ yếu là của Việt Nam. Các nước cho rằng Việt Nam phải tự đưa ra các cam kết của mình trước khi tiến hành đàm phán. Điều này có nghĩa là Việt Nam phải vạch cho mình một lịch trình hội nhập với các kế hoạch điều chỉnh các chính sách và biện pháp hiện tại của mình sao cho phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Cơ sở để định ra lịch trình của Việt Nam phải phù hợp với khả năng hiện thực của Việt Nam nhưng không phải là quá dài so với các cam kết của các nước trong WTO đã đạt được. Thời hạn này là khác nhau đối với các nhóm nước khác nhau và tùy thuộc vào từng lĩnh vực cụ thể.